

Thái Lan đã chống lại chủ nghĩa thực dân như thế nào?

ISSN: 2734-9195 08:05 26/08/2026

Một số hoàng tử con ông, trong đó có những người sau này trở thành quốc vương Xiêm, được gửi tới học tại những cơ sở giáo dục tinh hoa như Eton. Thông điệp rất rõ ràng: Xiêm là một quốc gia đồng đẳng.

Khi sức mạnh quân sự bất lực, hoàng gia Xiêm (Siam) sử dụng một “cuộc tấn công bằng sức hấp dẫn”.

Đầu mùa khô năm 1833, một nhà sư có tên Mongkut lên đường tới Sukhothai, cố đô của Xiêm (Siam) [tên gọi của Thái Lan trước năm 1939]. Với những nhà sư như Mongkut, những hành trình dài bằng thuyền và đường bộ để học tập, giảng dạy và hành trì tôn giáo vốn là chuyện khá phổ biến.

Phật giáo Theravada [Phật giáo Theravada, hay Phật giáo Nam truyền/Thượng tọa bộ] giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống Siam thời tiền hiện đại. Ở bất kỳ thời điểm nào, một bộ phận nhỏ nam giới trưởng thành đều xuất gia.

Trong những chuyến đi khắp vương quốc, các vị sư thường được người dân địa phương cung cấp thức ăn, quần áo và chỗ nghỉ.



Nhưng Mongkut không phải một nhà sư bình thường.

Ông là người con thứ 43 của Vua Rama II. Sinh ra với một trong những phi tần cấp cao của Rama II, Mongkut là hoàng tử có địa vị cao và nằm trong số những người có khả năng kế vị ngai vàng. Vì vậy, trong những chuyến đi của mình, ông hẳn có một đoàn tùy tùng đi cùng, bên cạnh những người đồng tu.

Vương quốc mà Mongkut là một trong những người kế vị bao phủ phần lớn lãnh thổ Thái Lan ngày nay, cùng một số khu vực thuộc Lào, Campuchia và Malaysia, với khoảng 5 triệu dân, phần lớn là những nông dân trồng lúa nghèo. Tuy nhiên, Bangkok - thành phố lớn nhất của Xiêm khi ấy đã là một thương cảng quan trọng, với mạng lưới kênh rạch dày đặc, hai bên là những ngôi nhà dựng trên cọc, cùng một cộng đồng dân cư đa dạng về sắc tộc.

Từ cố đô Sukhothai đến một phát hiện có thể làm thay đổi vị thế của cả một vương quốc

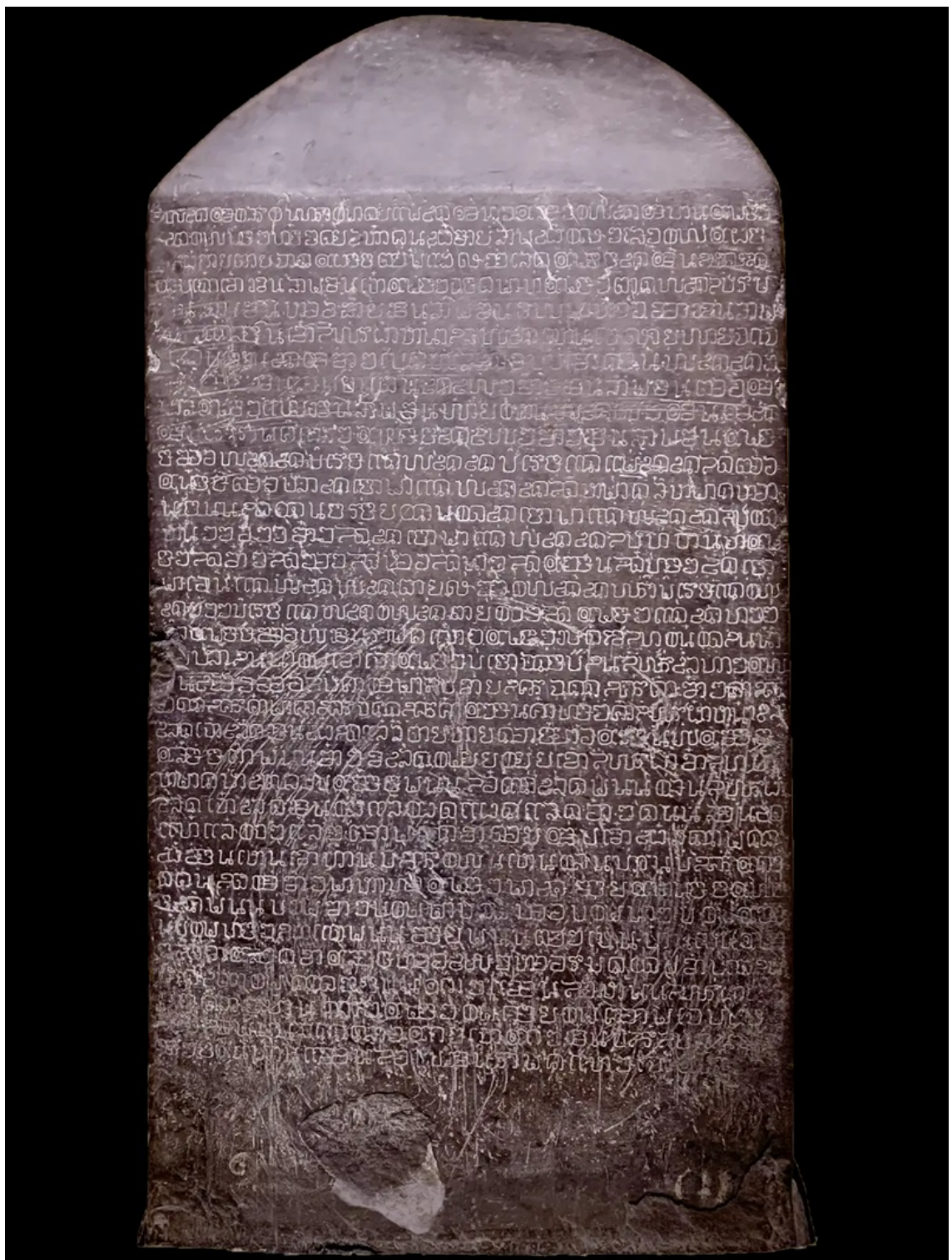
Trái ngược với thủ đô náo nhiệt, Sukhothai vào thời điểm ấy phần lớn đã bị bỏ hoang. Từ thế kỷ XIII đến XV, Sukhothai từng phát triển mạnh mẽ như một trung tâm chính trị, văn hóa và tôn giáo. Nhưng sau đó, thành phố này dần bị Ayutthaya ở phía nam vượt qua, rồi tiếp tục bị Bangkok được thành lập từ thế kỷ XVIII thay thế.

Khi Mongkut đặt chân tới đây, cảnh tượng đón ông hẳn không khác nhiều so với những gì du khách ngày nay có thể nhìn thấy: những bảo tháp [stupa - kiến trúc Phật giáo thường dùng để lưu giữ xá-lợi hoặc mang ý nghĩa tưởng niệm] đổ nát,

những pho tượng đức Phật tĩnh lặng và những mảng tường gạch đỏ nâu đã bạc màu, phong hóa qua nhiều thế kỷ dưới nắng nóng gay gắt và những trận mưa nhiệt đới.

Trong thời gian lưu lại Sukhothai, Mongkut tình cờ phát hiện một hiện vật đặc biệt: một khối bia đá màu đen, bốn mặt, cao khoảng một mét và được khắc bằng một hệ chữ viết kỳ lạ.

Về sau, phiến đá này được biết đến với tên gọi **Bia Ramkhamhaeng (Ramkhamhaeng Stele)**. Được cho là có niên đại từ năm 1292, bia thường được xem là một trong những chứng tích cổ nhất còn tồn tại của chữ viết Thái.



Bia đá Ramkhamhaeng được cho là ví dụ cổ nhất còn tồn tại về chữ viết Thái Lan.

Mongkut đưa bia về Bangkok và thành lập một hội đồng gồm các học giả để giải mã những dòng chữ đầy bí ẩn trên đó. Họ đối chiếu văn bản với những dạng chữ Thái cổ đã được biết đến, cũng như các hệ chữ có liên quan; phân tích những quy luật ngôn ngữ; đồng thời phối hợp với các nhà sư uyên bác để giải nghĩa những từ ngữ và ký tự xa lạ.

Những gì họ phát hiện ra thật đáng kinh ngạc.

Một văn bản cổ gồm 124 dòng kể về một vương quốc Thái cổ, được cai trị bởi một vị quân vương sáng suốt tên là Ramkhamhaeng. Theo nội dung trên bia, vương quốc của Ramkhamhaeng hội tụ nhiều dấu hiệu của một nền văn minh phát triển: truyền thống văn chương, một hệ thống pháp luật và chính trị tinh vi, nền độc lập, chủ quyền, ranh giới địa lý được bảo đảm, mô hình vương quyền Phật giáo và một nền cai trị công bằng.

[Góc nhìn biên tập]: Điều đáng chú ý ở đây không chỉ nằm ở giá trị khảo cổ của một tấm bia đá. Trong lịch sử, ký ức về một nền văn minh cũng là một dạng quyền lực.

Một dân tộc có chữ viết, có lịch sử được ghi chép, có thiết chế chính trị, luật pháp, lãnh thổ và truyền thống văn hóa riêng sẽ dễ dàng khẳng định mình là một chủ thể lịch sử độc lập hơn là một cộng đồng bị nhìn nhận như “vùng đất chưa được khai hóa”.

Vì thế, phát hiện của Mongkut về sau sẽ mang một ý nghĩa vượt xa giá trị của một hiện vật cổ. Đó góp phần cung cấp cho Xiêm một thứ mà các cường quốc châu Âu lúc ấy rất coi trọng: bằng chứng hữu hình về một nền văn minh có lịch sử và căn tính riêng.

“Quốc gia trụ lại” giữa làn sóng thực dân

Việc phát hiện ra tấm bia, hóa ra, là một sự tình cờ đặc biệt đúng lúc.

Trong hơn 5 thế kỷ, các cường quốc châu Âu đã thuộc địa hóa gần như mọi vùng lãnh thổ khác trên Trái đất ngoại trừ một số ít trường hợp có thể đếm trên đầu ngón tay. Nhật Bản là ví dụ nổi tiếng nhất.

Xiêm có lẽ là trường hợp rõ ràng tiếp theo về một quốc gia đã chống lại sự chiếm đóng của nước ngoài và duy trì được chủ quyền, dù câu chuyện này ít được biết đến hơn nhiều.

Xiêm tồn tại trước làn sóng thực dân bằng sự kết hợp giữa ngoại giao, cải cách và một chiến lược quản trị hình ảnh đầy thận trọng.

Và việc cung cấp bằng chứng về một nền văn minh lâu đời, phức tạp như Bia Ramkhamhaeng chính là một “tài sản thương hiệu” mà vương quốc này cần đến.

Xiêm - quốc gia trụ lại

Đến những năm 1830, triều đình Xiêm bắt đầu lo ngại khi quyền lực của Anh không ngừng lan rộng từ Ấn Độ.

Chỉ vài năm trước phát hiện của Mongkut, trong Chiến tranh Anh-Miến lần thứ nhất (1824-1826), các tàu chiến nhỏ của Anh đã ngược dòng Irrawaddy dòng sông thiêng của Miến Điện và làm nhục vương quốc cổ đại này, buộc đối thủ lâu năm của Xiêm phải chấp nhận những nhượng bộ lãnh thổ rất lớn.

Ở phía đông, các giáo sĩ Pháp đang hoạt động tại Việt Nam và Campuchia. Đây là giai đoạn đầu trong tham vọng thuộc địa của Pháp, gắn với khái niệm **mission civilisatrice** (“sứ mệnh khai hóa văn minh” - tư tưởng được Pháp sử dụng để biện minh cho việc can thiệp và mở rộng quyền lực thuộc địa).

Từng quốc gia láng giềng của Xiêm lần lượt rơi vào quỹ đạo của các cường quốc châu Âu. Xiêm dần trở thành quốc gia Đông Nam Á duy nhất còn trụ lại trước chủ nghĩa thực dân châu Âu.

Map of Siam in 1805



Nước Xiêm (Siam) trên bản đồ năm 1805

Các quốc gia thất thế đã lựa chọn nhiều chiến lược kháng cự khác nhau nhưng tất cả đều không thành công.

Miến Điện tiến hành một loạt cuộc chiến tranh tuyệt vọng chống lại Anh, cuối cùng bị sáp nhập.

Campuchia chủ động chấp nhận trở thành một nước bảo hộ của Pháp, xem đây là lựa chọn ít tồi tệ hơn trong số nhiều khả năng, sau hàng thập kỷ bị Xiêm và Việt Nam lấn át. Nhưng rồi sự bảo hộ ấy dần chuyển thành chế độ cai trị thuộc địa trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp.

Việt Nam dựa vào những mối quan hệ lịch sử với Trung Quốc để tìm cách ngăn chặn Pháp. Tuy nhiên, việc đối xử khắc nghiệt với các giáo sĩ và những nhóm thiểu số đã tạo cho người châu Âu một cái cớ thuận lợi để can thiệp.

Xiêm lựa chọn một con đường khác.

Các nhà lãnh đạo Xiêm hy vọng rằng, nếu chứng minh được quốc gia mình đã sở hữu những dấu hiệu rõ ràng của một nền văn minh, họ có thể làm suy yếu những cái cớ mà các cường quốc châu Âu sử dụng để biện minh cho quá trình thuộc địa hóa.

Ngay cả trong thế kỷ XIX, các quốc gia châu Âu cũng không muốn bị nhìn nhận đơn giản là những kẻ ngang nhiên chiếm đất. Những dự án thuộc địa thành công thường kết hợp giữa những lời biện minh có vẻ cao cả với động cơ giành quyền lực rất thực tế.

Người châu Âu tin rằng các quốc gia Cơ Đốc giáo có trình độ công nghệ tiên tiến mang một sứ mệnh đạo đức: phải đem “tiến bộ” đến cho những dân tộc bị xem là “lạc hậu”, những cộng đồng bị cho là thiếu một chính quyền đúng nghĩa, thiếu hệ thống chữ viết và thiếu sự tinh luyện về văn hóa.

Hệ tư tưởng ấy tạo ra sự ủng hộ về chính trị trong nước, đồng thời mang lại tính chính danh trên trường quốc tế cho việc chinh phục lãnh thổ.

Trong bối cảnh đó, việc Mongkut phát hiện Bia Ramkhamhaeng chẳng khác nào tìm thấy một bản Đại Hiến chương Magna Carta [Magna Carta - văn kiện năm 1215 của Anh, thường được xem là một biểu tượng lịch sử quan trọng của nguyên tắc giới hạn quyền lực nhà vua và nền tảng pháp quyền] đã thất truyền, đúng vào thời điểm cần thiết nhất.

Các nhà cai trị Xiêm nhận ra rằng, trong mắt phương Tây, chữ viết là yếu tố then chốt để xác lập tính chính danh của một nền văn minh.

Và dòng chữ trên tấm bia cung cấp cho họ chính xác thứ họ cần: một bằng chứng hữu hình về truyền thống văn chương và trình độ văn hóa lâu đời, qua đó thách thức trực tiếp những định kiến của châu Âu về sự “man rợ” hay “chưa

được khai hóa” của Xiêm.

Ngoại giao

Năm 1855, một đặc phái viên mới của Anh tại Đông Nam Á đến Bangkok. Sir John Bowring khi ấy là Toàn quyền Hong Kong thuộc địa vừa được Anh chiếm giữ và đại diện cho một đế quốc đang ở đỉnh cao quyền lực.

Đến thời điểm đó, Anh kiểm soát gần 1/5 diện tích đất liền trên thế giới, tạo ra hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn cầu và sở hữu lực lượng hải quân hùng mạnh nhất mà thế giới từng chứng kiến.

Xiêm, trái lại, đã tự đặt mình vào trạng thái tương đối biệt lập với phương Tây kể từ năm 1688, đồng thời gần đây còn bị cáo buộc có thái độ khinh thị đối với các phái bộ thương mại của Anh và Mỹ. John Crawford, một đặc phái viên Anh, từng mô tả người Xiêm là “đặc biệt vụ lợi, thiếu chân thành và tham lam”.

Dưới triều Rama III, vị vua của Xiêm và là người anh cùng cha khác mẹ của Mongkut, nhiều người cho rằng Xiêm đang đi trên chính con đường mà các quốc gia láng giềng của mình đã bước vào.

Sau khi Rama III qua đời năm 1851, Mongkut lên ngôi, lấy hiệu Rama IV.



Vua Mongkut trong trang phục lấy cảm hứng từ phương Tây.

Mongkut được người Anh có thiện cảm, bởi họ cho rằng ông thân thiện với lợi ích của Anh hơn những ứng viên khác cho ngai vàng. Khi còn là một nhà sư, ông đã nghiên cứu các ngôn ngữ, khoa học và kỹ thuật phương Tây. Ông nói được tiếng Anh và tiếng Latin, đồng thời thường xuyên tiếp xúc với các nhà ngoại giao cũng như các giáo sĩ Công giáo và Tin Lành.

Mongkut đặc biệt say mê quan niệm phương Tây về sự tiến bộ vật chất và công nghệ, một ý tưởng tương phản rõ rệt với vũ trụ quan Phật giáo, vốn nhấn mạnh những chu kỳ lặp lại của sinh diệt và suy thoái.

Các nhà ngoại giao châu Âu thường gặp ở những vị quân chủ châu Á trong đó có các vị vua tiền nhiệm của Mongkut thái độ xa cách, thậm chí khinh miệt. Khi đặt chân tới Xiêm để gặp vị vua mới, Bowring hẳn đã chuẩn bị tinh thần cho một cuộc tiếp kiến tương tự.

Nhưng những gì ông gặp lại hoàn toàn khác.

Trước mặt Bowring là một vị quân vương am hiểu sâu sắc về thế giới phương Tây.

Vua Mongkut tiếp Bowring ngay tại tư thất của mình, cùng hút xì gà và uống rượu vang. Hai người không cần thông qua phiên dịch mà trực tiếp trò chuyện bằng tiếng Anh. Bowring nhận thấy thư viện của nhà vua chứa một kho sách phong phú, từ các công trình khoa học phương Tây cho đến tiểu thuyết của Sir Walter Scott.

Các nhà đế quốc Anh vốn không quen đàm phán với những vị quân chủ châu Á có thể gặp họ trên chính “sân chơi trí tuệ” của mình.

Đó là thời đại mà Thomas Macaulay - một nhà quản trị thuộc địa và sử gia nổi tiếng với tác phẩm *History of England* có thể viết rằng: “Chỉ một giá sách của một thư viện châu Âu tốt cũng đáng giá hơn toàn bộ nền văn học bản địa của Ấn Độ và Arabia”.

Bowring, tuy nhiên, sẵn sàng tin rằng người Xiêm có một nền văn hóa đáng kể. Trong tác phẩm có ảnh hưởng xuất bản năm 1857, *The Kingdom and People of Siam (Vương quốc và người dân Xiêm)*, Bowring dành sự chú ý cho Bia Ramkhamhaeng, công nhận đây là tư liệu lịch sử quan trọng, cung cấp bằng chứng về chữ viết Thái thời kỳ đầu và giữ vai trò then chốt trong việc tìm hiểu hệ thống quản trị cùng đời sống xã hội tinh vi của Sukhothai.

[Góc nhìn biên tập]: Chi tiết này cho thấy một điều đáng suy ngẫm: ngoại giao không chỉ diễn ra trên bàn đàm phán, mà còn diễn ra trong cách một quốc gia khiến người khác nhìn nhận và đánh giá.

Mongkut không bước vào cuộc gặp với Bowring bằng vị thế quân sự ngang bằng, điều đó rõ ràng là không thể. Nhưng ông có thể tạo ra thế cân bằng khác: tri thức, ngôn ngữ, văn hóa và khả năng đối thoại.

Trong thế giới mà các cường quốc thường dùng luận điệu về “văn minh” để biện minh cho quyền lực, việc Xiêm chứng minh mình có thể hiểu, sử dụng và đối thoại bằng chính những chuẩn mực mà phương Tây đề cao đã tạo ra một khoảng không ngoại giao đáng kể.

Hiệp ước Bowring: một sự thỏa hiệp chiến lược

Hiệp ước mà Mongkut và Bowring đàm phán đã tạo ra bước chuyển mang tính quyết định trong quan hệ giữa Anh và Xiêm.

Ba thập niên trước đó, vào năm 1826, một hiệp ước đã mở ra hoạt động thương mại có giới hạn giữa hai nước. Tuy nhiên, hiệp ước năm 1855 hoàn toàn không phải một thỏa thuận hào phóng.

Hiệp ước đã giới hạn thuế xuất nhập khẩu của Xiêm ở mức 3% và trao cho công dân Anh những quyền tài phán ngoài lãnh thổ đáng kể, nghĩa là người Anh không thể bị xét xử tại các tòa án Xiêm.

Dẫu vậy, hiệp ước đã làm thương mại quốc tế tăng lên mạnh mẽ. Quan trọng hơn, Xiêm vẫn được đối xử như một đối tác đàm phán có chủ quyền.

Sự tương phản với các quốc gia khác trong khu vực là rất rõ rệt. Sau những thất bại trong các cuộc chiến tranh Anh-Miến năm 1824-1826 và 1852, Miến Điện buộc phải nhượng lại bốn tỉnh, trả khoản bồi thường chiến tranh khổng lồ trị giá 1 triệu bảng Anh [tương đương khoảng 160 triệu USD ngày nay], đồng thời chấp nhận sự hiện diện của một quan chức giám sát người Anh có quyền phủ quyết các quyết định của nhà vua.

Tương tự, nỗ lực của Trung Quốc nhằm thực thi lệnh cấm hoạt động buôn bán thuốc phiện của Anh vào năm 1839 đã dẫn đến việc mất Hong Kong và mở đầu cho giai đoạn mà các nhà dân tộc chủ nghĩa Trung Quốc về sau gọi là “thế kỷ nhục nhã” (Century of Humiliation - cách gọi phổ biến trong diễn ngôn lịch sử Trung Quốc về thời kỳ từ giữa thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, khi Trung Quốc chịu nhiều thất bại quân sự, nhượng bộ và can thiệp từ các cường quốc nước ngoài).

Mongkut đã cho thấy một điều: khi kháng cự trực diện không thể mang lại thắng lợi, một sự thỏa hiệp có tính chiến lược vẫn có thể bảo toàn những lợi ích cốt lõi.

“Xenophilia”: chủ động tiếp nhận cái ngoại lai

Cách tiếp cận đặc biệt của Xiêm không đơn giản chỉ là câu chuyện về một vị vua thích hút xì gà và đọc sách.

Đó chỉ là phần nhỏ trong một chiến lược rộng lớn hơn: chủ động tiếp nhận và trình hiện những chuẩn mực mà châu Âu coi là dấu hiệu của một nền văn minh, một thái độ giúp Xiêm khác biệt với nhiều quốc gia khác trong khu vực.

[Góc nhìn biên tập]: Ở đây, thuật ngữ “*xenophilia*” (khuyh hướng có thiện cảm, tò mò và chủ động tiếp nhận những điều đến từ bên ngoài) đáng được hiểu rộng hơn khái niệm “sùng ngoại”.

Điều tác giả muốn nhấn mạnh không phải việc Xiêm đơn thuần ngưỡng mộ phương Tây, mà là khả năng chủ động lựa chọn những yếu tố có lợi từ bên ngoài để củng cố vị thế của chính mình.

Đó là khác biệt quan trọng giữa tiếp nhận và lệ thuộc: tiếp nhận có tính toán có thể trở thành một công cụ của chủ quyền.

Để thấy rõ hơn sự khác biệt ấy, hãy nhìn sang Trung Quốc và Việt Nam.

Năm 1793, khi Anh cử phái bộ đầu tiên tới Trung Quốc, Hoàng đế Càn Long (Qianlong) bác bỏ những thành tựu công nghệ phương Tây, tuyên bố rằng Trung Hoa “có tất cả mọi thứ dồi dào” và không cần hàng hóa của những “thương nhân man di”.

Các nhà cai trị Trung Hoa được đào tạo trong tư tưởng Nho giáo kinh điển, vốn nhấn mạnh ưu thế văn hóa của Trung Quốc. Tâm thế khép kín và sự nghi kỵ đối với người nước ngoài khiến các cường quốc châu Âu càng dễ dàng sử dụng “sứ mệnh khai hóa” để biện minh cho sự can thiệp của mình.

Tương tự, Hoàng đế Minh Mạng của Việt Nam từ chối cách Pháp tiếp cận trong những năm 1820 và 1830. Về sau, sự biệt lập của Việt Nam trở thành một trong những cái cớ để Pháp can thiệp.

Cả hai vị quân chủ đều là sản phẩm của những hệ thống giáo dục coi tri thức ngoại lai là thứ có khả năng làm ô nhiễm nền tảng văn hóa, thay vì một nguồn lực có thể được tiếp nhận và sử dụng.

Hiện đại hóa khi đã quá muộn

Khi các nhà cai trị châu Á thực sự lựa chọn hiện đại hóa, họ thường làm điều đó trong thế bị động sau khi phương Tây đã đặt họ dưới sức ép đáng kể.

Miến Điện là một ví dụ điển hình. Mặc dù sở hữu những hệ thống chữ viết cổ có từ thế kỷ VI, những ngôi chùa Phật giáo tráng lệ và truyền thống pháp luật tinh vi, Miến Điện vẫn lần lượt bị Anh tháo dỡ các cấu trúc quyền lực trong giai đoạn từ năm 1824 đến 1885.

Sự khác biệt then chốt giữa Miến Điện và Xiêm nằm ở thời điểm và quyền chủ động. Miến Điện bị xâm lược lần đầu vào năm 1824, khi hệ tư tưởng về “sứ mệnh khai hóa” vẫn chưa phát triển đầy đủ.

Vua Mindon, người trị vì Miến Điện từ năm 1853 đến 1878, đã tiến hành một chương trình hiện đại hóa sâu rộng sau cuộc chinh phục ban đầu của Anh. Ông thiết lập hệ thống điện báo, đường sắt và các trường học hiện đại.

Nhưng lúc ấy đã quá muộn.

Anh đã tạo được đà quân sự và chính trị đủ lớn, khiến những thành tựu văn hóa cũng như các nỗ lực cải cách của Miến Điện không còn khả năng bảo vệ đất nước.

Khi Anh tạo ra những tranh chấp biên giới để hoàn tất việc sáp nhập Miến Điện vào năm 1885, những nỗ lực hiện đại hóa của Mindon không thể bảo vệ vương quốc trước một cường quốc thực dân lúc này đã quyết tâm hoàn tất cuộc chinh phục.

Nhật Bản cũng tiến hành hiện đại hóa trong thế bị động, sau khi những “chiến hạm đen” (Black Ships) của Hải quân Mỹ dưới quyền Đề đốc Matthew Perry buộc Mạc phủ Tokugawa phải chấm dứt chính sách biệt lập vào năm 1853.

Trung Quốc cũng cố gắng làm điều tương tự sau nỗi nhục của Chiến tranh Nha phiến lần thứ hai, dù đạt được ít thành công hơn nhiều.

So với các quốc gia láng giềng, Xiêm đã lựa chọn cách tiếp cận khác: chủ động tiếp nhận và trình hiện những dấu hiệu của “văn minh” mà các cường quốc châu Âu thường sử dụng để biện minh cho việc thuộc địa hóa những nơi khác khi Xiêm vẫn còn ở vị thế tương đối chủ động.

Khi khoa học trở thành “ngôn ngữ ngoại giao”

Năm 1868, Mongkut mời các quan chức Anh và Pháp tới quan sát một kỳ nhật thực. Đây là sự kiện quy mô lớn. Các nhà chức trách chuẩn bị cả những khu nhà và nơi ăn nghỉ dành cho khách mời, với mục tiêu thể hiện cam kết của Mongkut đối với khoa học.

Mongkut đã dự đoán chính xác thời gian và vị trí xảy ra nhật thực bằng cách kết hợp các phương pháp tính thời gian truyền thống của người Thái với kỹ thuật thiên văn học phương Tây.

Theo một số câu chuyện được lưu truyền, những tính toán của ông chính xác đến mức còn vượt qua dự đoán của các nhà thiên văn Pháp có mặt tại đó.

Triều đình Xiêm hiểu rất rõ nên thể hiện điều gì và thể hiện với ai. Pháp từ lâu đã coi khoa học là một trong những dấu hiệu chân thực nhất của văn minh, trong khi Anh đề cao luật pháp quốc tế và thương mại tự do.

Mongkut đã trình hiện nền văn minh Xiêm thông qua chính những thước đo mà các cường quốc châu Âu sử dụng để biện minh cho quá trình thuộc địa hóa ở những nơi khác.

Xây dựng “thương hiệu Xiêm”

Mongkut không sống đủ lâu để chứng kiến thành quả ngoại giao của mình. Ông mắc bệnh sốt rét tại sự kiện quan sát nhật thực và qua đời chỉ vài tuần sau đó.

Con trai ông, Chulalongkorn (Rama V), khi ấy vẫn còn ở tuổi vị thành niên. Đến năm 1873, Chulalongkorn chính thức nắm quyền điều hành Xiêm, đứng đầu một vương quốc đa dân tộc, phân quyền và được tổ chức theo cấu trúc vương triều.

Trong khi đó, trên khắp châu Âu và các đế chế thuộc địa của mình, những nền quân chủ truyền thống đang thích ứng với thời đại của chủ nghĩa dân tộc bằng cách áp đặt từ trên xuống những bản sắc quốc gia thống nhất.

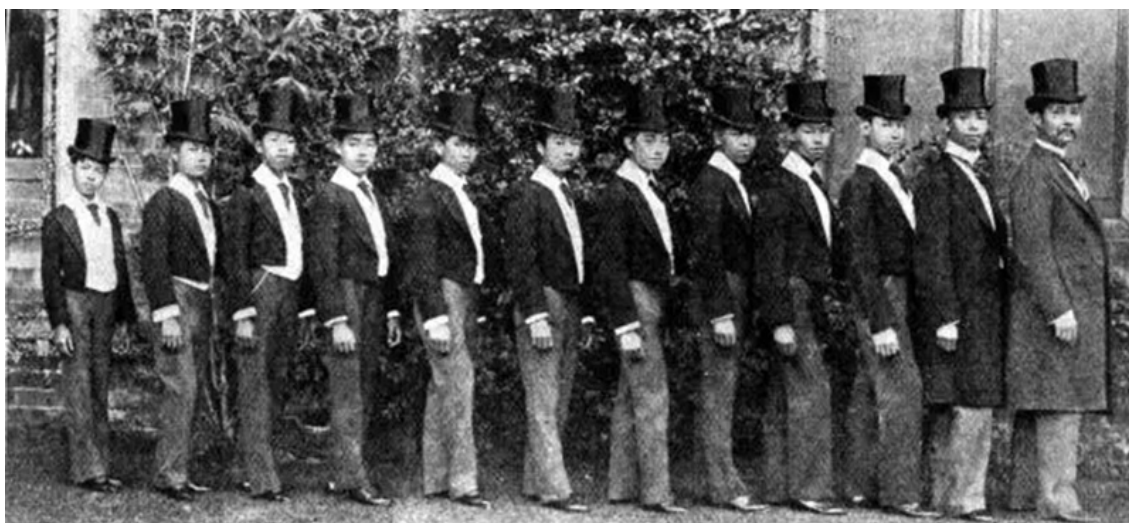
Pháp đã xây dựng một hệ thống hành chính tập trung với luật pháp thống nhất, đồng thời tích cực thúc đẩy tiếng Pháp Paris trở thành ngôn ngữ quốc gia, từng bước hạn chế những ngôn ngữ khu vực như Breton, Occitan và Alsatian.

Trong khi đó, Anh tiến hành phổ biến tiếng Anh chuẩn theo cách chậm hơn, thông qua cải cách giáo dục và các yêu cầu đối với công chức, làm suy giảm vị thế của tiếng Wales và tiếng Gaelic.

Đế quốc Áo-Hung cũng thực hiện điều tương tự thông qua chính sách Magyar hóa vào những năm 1880: áp đặt ngôn ngữ và văn hóa Hungary lên các cộng đồng dân tộc thiểu số như người Slovakia, Romania và Croatia nhằm tạo ra một bản sắc quốc gia thống nhất ở phần Hungary của nền quân chủ kép.

Đức và Italy cũng lần lượt chuyển mình từ những tập hợp phức tạp gồm nhiều quốc gia, tiểu quốc thành những quốc gia thống nhất vào cuối thế kỷ XIX.

Điều đáng chú ý là, dù các quốc gia dân tộc tập quyền ở châu Âu mới chỉ được hình thành tương đối gần thời điểm đó, mô hình này nhanh chóng trở thành một **chuẩn mực mới của “văn minh”**.



Chulalongkorn và một số con trai của ông tại trường Eton.

Nhiều cường quốc châu Á không có sự đồng nhất về văn hóa, những đường biên giới rõ ràng, một ngôn ngữ chung và một chính quyền thống nhất, những yếu tố mà người châu Âu thế kỷ XIX ngày càng coi là dấu hiệu của một quốc gia “văn minh”.

Các vương quốc đa dạng và phân quyền như vậy cũng trở thành những mục tiêu thuận lợi cho chiến thuật **“chia để trị”**.

Người Anh và người Pháp mô tả các nhóm không chiếm vị thế thống trị tại những vùng đất như Miến Điện, Campuchia và Việt Nam là những cộng đồng thiểu số bị áp bức, cần đến sự “bảo vệ” của họ.

[Góc nhìn biên tập]: Đây là nghịch lý quan trọng của lịch sử hiện đại.

Châu Âu vừa tạo ra mô hình quốc gia dân tộc, vừa biến chính mô hình ấy thành thước đo để đánh giá các xã hội khác.

Những gì từng là cấu trúc chính trị - văn hóa rất tự nhiên trong lịch sử châu Á bỗng bị nhìn qua một hệ tiêu chuẩn mới: một quốc gia phải có lãnh thổ xác định, chính quyền tập trung, dân cư được quy về một bản sắc và một ngôn ngữ thống nhất.

*Với Xiêm, thích ứng với tiêu chuẩn ấy không đơn thuần là một cuộc cải cách hành chính. Đó là vấn đề **sống còn của chủ quyền**.*

Từ “mandala” đến quốc gia có đường biên giới

Về lý thuyết, Xiêm thế kỷ XIX hoàn toàn có thể trở thành đối tượng của chính những chiến thuật ấy.

Vương quốc bao gồm hàng chục cộng đồng dân tộc khác nhau và chưa có một bản sắc “Thái” thống nhất theo nghĩa hiện đại.

Người dân được quản trị theo **hệ thống mandala** (một mô hình tổ chức quyền lực truyền thống ở Đông Nam Á thời tiền hiện đại), có thể xem là tương đối tương ứng với hệ thống phong kiến ở châu Âu.

Trong hệ thống mandala, quyền lực không được xác định bằng những đường biên giới cố định. Chủ quyền của nhà vua giảm dần theo khoảng cách. Ở các vùng ngoại vi, nhiều khu vực có thể đồng thời thừa nhận những vùng ảnh hưởng chồng lấn của các trung tâm quyền lực khác nhau.

Khi người Anh trở thành láng giềng ở phía Nam và phía Tây của Xiêm vào những năm 1820, sau khi giành quyền kiểm soát các **Straits Settlements** (Các Khu định cư Eo biển) và sáp nhập vùng Hạ Miến Điện, yêu cầu phân định những đường biên giới cố định giữa hai bên khiến người Xiêm khó hiểu.

Đối với họ, ý niệm về một đường biên giới cứng và rõ ràng giữa hai quốc gia vốn không phải cách thức truyền thống để xác định chủ quyền.

Sau khi hiểu được sự khác biệt này, các cường quốc châu Âu bắt đầu tìm cách khai thác nó.

Pháp đặc biệt nhấn mạnh cấu trúc đa dân tộc của Xiêm, lập luận rằng người Lào là một “chủng tộc” riêng biệt và cần được bảo vệ khỏi sự thống trị của Xiêm.

Người Pháp thậm chí còn lập luận rằng người Xiêm không phải một “chủng tộc” thực sự, bởi họ đã pha trộn quá nhiều với người Hoa.

Xiêm không nhượng bộ. Thay vào đó, quốc gia này thích ứng thông qua một chương trình xây dựng quốc gia (nation-building).

Chulalongkorn thúc đẩy ý niệm về “tính Thái” (Thai-ness) - một bản sắc quốc gia duy nhất có khả năng bao dung hàng chục cộng đồng dân tộc của Xiêm, đồng thời trình hiện đất nước như một quốc gia thống nhất trước các cường quốc phương Tây.

Khi đối diện với những lập luận của Pháp về sự tồn tại của các nhóm dân tộc riêng biệt, Chulalongkorn đáp lại: *“Người Thái, người Lào và người Shan đều coi mình là những dân tộc cùng một chủng tộc. Tất cả đều tôn kính ta là vị quân chủ tối cao, người bảo hộ cho sự an sinh của họ”*.

Bên cạnh một bản sắc quốc gia chung, người dân Xiêm cần một ngôn ngữ chung và những đường biên giới được xác định rõ ràng.

Phương ngữ Bangkok được nâng lên thành “tiếng Thái chuẩn” và được phổ biến thông qua hệ thống trường học mới thành lập.

Hệ thống mandala dần bị tháo dỡ, nhường chỗ cho một bộ máy hành chính tập trung. Các đơn vị hành chính mới được tổ chức dựa phần nào trên những vòng quyền lực của hệ thống mandala cũ, nhưng lần này đi kèm với quyền kiểm soát lãnh thổ được xác định bằng những ranh giới cụ thể.

Các dự án lập bản đồ hiện đại giúp xác định biên giới với độ chính xác chưa từng có.

Một cuộc tổng điều tra dân số được tiến hành để thống kê thần dân; vài thập niên sau, người dân còn được yêu cầu sử dụng họ.

Các tuyến điện báo và đường sắt tạo nên cơ sở hạ tầng liên lạc, qua đó củng cố quyền lực của Bangkok trên toàn vương quốc.

[Góc nhìn biên tập]: Có thể nhìn quá trình này từ góc độ khác: bản đồ, trường học, hộ tịch, đường sắt và điện báo đều là những công cụ tạo ra một quốc gia hiện đại.

Một đường biên giới khiến lãnh thổ trở nên hữu hình. Một cuộc điều tra dân số khiến dân cư trở nên có thể thống kê. Một hệ thống giáo dục tạo ra ngôn ngữ và ký ức chung. Đường sắt và điện báo biến quyền lực của thủ đô từ một khái niệm trừu tượng thành sự hiện diện cụ thể trong đời sống hàng ngày.

*Nói cách khác, Chulalongkorn không chỉ “đổi mới Xiêm”. Ông đang **biến một vương quốc mandala thành một quốc gia có thể được nhận diện bằng những tiêu chuẩn mà thế giới hiện đại đang hình thành.***

Bài học tương phản từ Việt Nam

Cách tiếp cận này khác biệt đáng kể với Việt Nam. Việt Nam đã sở hữu một bản sắc chính trị - văn hóa tương đối nhất quán từ nhiều thế kỷ trước, nhưng triều Nguyễn gặp khó khăn trong việc thích ứng bản sắc ấy với quan niệm quốc gia dân tộc theo kiểu phương Tây.

Hoàng đế Tự Đức kiên quyết duy trì trật tự Nho giáo truyền thống và từ chối cải cách.

Việt Nam tiếp tục duy trì một hệ thống thứ bậc đề cao người Kinh, đồng thời đặt các cộng đồng thiểu số như người Chăm và Khmer vào vị thế bên lề.

Pháp đã tận dụng những phân chia nội tại này bằng cách cai trị các vùng khác nhau theo những cơ chế riêng biệt: **Nam Kỳ** trở thành thuộc địa, trong khi **An Nam** và **Bắc Kỳ** là các xứ bảo hộ.

Cách tổ chức ấy càng làm sâu sắc sự phân mảnh khu vực. Kết quả cuối cùng là sự tháo dỡ hiệu quả của cấu trúc nhà nước Việt Nam.

[Góc nhìn biên tập] Sự so sánh này không nên được hiểu đơn giản như việc đặt hai quốc gia vào thế “cải cách đúng” và “cải cách sai”.

Điều đáng chú ý hơn là khả năng thích ứng với một hệ thống khái niệm mới đang được các cường quốc áp đặt lên thế giới.

Xiêm đã nhận ra rằng để giữ chủ quyền, họ không chỉ cần biết mình là ai, mà còn phải khiến các cường quốc hiểu và công nhận mình là ai.

Đó là bài toán vừa chính trị, vừa triết học: bản sắc của một quốc gia được xác định từ bên trong, nhưng tính chính danh trong trật tự quốc tế đôi khi lại phụ thuộc vào cách quốc gia đó được nhìn nhận từ bên ngoài.

“Xiêm là một quốc gia đồng đẳng”

Bằng cách tiếp nhận quan niệm phương Tây về quốc gia dân tộc, Chulalongkorn đã buộc các cường quốc châu Âu phải nhìn nhận Xiêm như một quốc gia có chủ quyền, thay vì một vùng đất hoang sơ cần bị chinh phục.

Chulalongkorn thực hiện những chuyến công du quy mô lớn tới châu Âu vào các năm 1897 và 1907, trong bối cảnh Anh và Pháp liên tục gây sức ép lên các đường biên giới của Xiêm.

Tại châu Âu, ông nhất quyết yêu cầu được đón tiếp với tư cách một vị quân chủ có địa vị ngang hàng với những người đứng đầu các quốc gia mà ông tới thăm.

Đoàn tùy tùng của ông mặc trang phục phương Tây, tuân thủ các nghi thức cung đình châu Âu và sử dụng tiếng Anh thành thạo.

Một số hoàng tử con ông, trong đó có những người sau này trở thành quốc vương Xiêm, được gửi tới học tại những cơ sở giáo dục tinh hoa như **Eton**.

Thông điệp rất rõ ràng: **Xiêm là một quốc gia đồng đẳng**.

Hiện đại hóa Xiêm

Bên cạnh việc thúc đẩy ý tưởng về một bản sắc Thái thống nhất, Chulalongkorn tiến hành một chương trình hiện đại hóa và tập trung hóa toàn diện.

Năm 1885, Chulalongkorn thành lập trường công lập hiện đại đầu tiên.

Năm 1892, ông thành lập Bộ Giáo dục.

Đến cuối những năm 1890, vương quốc có khoảng một trăm trường học giảng dạy theo một chương trình chuẩn hóa. Trong số đó có Suankularb Wittayalai, một trường đào tạo tầng lớp quan chức tương lai, kết hợp truyền thống Thái với tri thức phương Tây. Ngôi trường này đến nay vẫn là một trong những trường trung học danh tiếng nhất Thái Lan.

Hệ thống pháp luật cũng được đưa vào chương trình cải cách.

Các hiệp ước tương đối bất bình đẳng mà Anh và Pháp áp đặt trước đó đã trao cho công dân châu Âu quyền tài phán ngoài lãnh thổ (extraterritoriality), miễn cho họ khỏi sự điều chỉnh của luật pháp Xiêm, một sự phủ nhận chủ quyền mang tính nhục nhã đối với quốc gia này.

Giải pháp của Chulalongkorn là xây dựng một hệ thống pháp luật mà người châu Âu có thể công nhận là hợp pháp và chính danh.

Ông tập hợp một nhóm cố vấn nước ngoài, nổi bật nhất là luật gia người Bỉ Gustave Rolin-Jaequemyns. Ông này trở thành một trong những kiến trúc sư quan trọng không chỉ của bộ luật dân sự mới của Xiêm mà còn của toàn bộ chiến lược ngoại giao của vương quốc.

Việc lựa chọn một người Bỉ cũng mang tính chiến lược: Bỉ đứng gần với truyền thống pháp luật Anh và Pháp, nhưng quan trọng là không phải một trong hai cường quốc thuộc địa đang gây sức ép trực tiếp lên Xiêm.

Chulalongkorn xây dựng các tòa án hiện đại và bố trí đội ngũ quan chức ngày càng đông đảo, được đào tạo trong hệ thống trường học mới của Xiêm.

Bằng cách chứng minh rằng Xiêm sở hữu một hệ thống pháp luật “văn minh”, Chulalongkorn có cơ sở để yêu cầu xóa bỏ các đặc quyền tài phán ngoài lãnh thổ.

Chulalongkorn cũng tiến hành **Tây phương hóa quân đội**.

Ông thuê các cố vấn quân sự Đức và gửi một số thành viên hoàng gia tới học tại học viện quân sự Phổ.

Theo mô hình Phổ, quyền chỉ huy quân đội được tập trung dưới quyền nhà vua; lực lượng quân sự do giới quý tộc huy động dần được thay thế bằng quân đội thường trực; đồng thời một đội ngũ sĩ quan chuyên nghiệp được hình thành.

Tôn giáo cũng được cải cách để trở nên có vẻ hợp lý hơn theo những tiêu chuẩn phương Tây.

Chulalongkorn ủng hộ những cải cách của giáo phái Thammayut (Thammayut Nikaya - một hệ phái Phật giáo Theravada hình thành tại Xiêm vào thế kỷ XIX, nhấn mạnh kỷ luật giới luật và việc trở về với kinh điển), qua đó khiến Phật giáo Xiêm hiện lên ít mê tín hơn, có kỷ luật hơn và dựa trên văn bản kinh điển rõ ràng hơn.

Ngay cả thời gian cũng được chuẩn hóa. Vương quốc áp dụng **lịch Gregory** (lịch Dương hiện đại được sử dụng rộng rãi trên thế giới) và điều chỉnh hệ thống tính giờ theo các chuẩn mực quốc tế.

Việc lượng hóa và tiêu chuẩn hóa thời gian là một nền tảng của tính hiện đại phương Tây. Đồng hồ cơ học, lịch trình đồng bộ và phương thức đo lường chính xác trở thành cơ sở cho chủ nghĩa tư bản, khoa học và hiệu quả của bộ máy hành chính.

Sự chuyển đổi văn hóa còn đi vào đời sống thường nhật thông qua việc quảng bá khái niệm **siwilai** - một từ vay mượn trong tiếng Thái từ “civilized” (“văn minh”), trở thành khái niệm trung tâm trong chương trình hiện đại hóa của vương quốc.

Trang phục kiểu phương Tây ngày càng phổ biến, thường với sự khuyến khích chính thức từ chính quyền.

Những tập quán bị các quan sát viên châu Âu coi là “không văn minh”, chẳng hạn nhai trầu, cũng dần bị khuyến cáo hạn chế.

Xóa bỏ chế độ nô lệ

Có lẽ đối với công chúng phương Tây, một trong những cải cách có ý nghĩa nhất là việc Chulalongkorn xóa bỏ chế độ nô lệ.

Trước thời kỳ hiện đại hóa, Xiêm tồn tại một hệ thống phức tạp gồm lao động lệ thuộc do nợ, tù binh chiến tranh và lao dịch bắt buộc.

Đến cuối thế kỷ XIX, chế độ nô lệ đã bị bãi bỏ tại phần lớn châu Âu và châu Mỹ. Thái Lan cũng đi theo xu hướng này.

Một sắc lệnh năm 1874 giải phóng những trẻ em sinh ra trong thân phận nô lệ khi họ đủ 21 tuổi.

Tiếp đó, năm 1884, một lệnh cấm được ban hành nhằm ngăn việc bắt giữ và mua bán các thành viên của những cộng đồng dân tộc thiểu số làm nô lệ.

Đạo luật Xóa bỏ chế độ nô lệ năm 1905 tiến thêm một bước, giải thể phần lớn những hình thức nô lệ còn lại và cải cách chế độ lệ thuộc vì nợ bằng cách tính công lao động của người lệ thuộc vào khoản nợ gốc, thay vì chỉ tính như tiền lãi.

Đến năm 1908, chế độ nô lệ bị hình sự hóa; chính phủ đồng thời triển khai một chương trình giáo dục nhằm ngăn những người từng là nô lệ rơi trở lại tình trạng lệ thuộc.

[Góc nhìn biên tập]: *Cải cách chống chế độ nô lệ cho thấy rõ nhất một đặc điểm trong chiến lược của Chulalongkorn: hiện đại hóa vừa là nhu cầu nội tại, vừa là một ngôn ngữ đối ngoại.*

Xóa bỏ nô lệ không chỉ thay đổi đời sống của những người bị lệ thuộc. Đó còn giúp Xiêm loại bỏ một trong những lý do mà các cường quốc có thể viện dẫn để tự nhận mình là những người mang “văn minh” đến cho một xã hội khác.

Tuy nhiên, giá trị của cải cách không nằm ở việc Xiêm muốn “làm vừa lòng” phương Tây. Những cải cách ấy đồng thời góp phần biến đổi chính cấu trúc xã hội, pháp luật và nhà nước Xiêm.

Đây là điểm khiến chiến lược của Chulalongkorn đáng chú ý: đối ngoại và cải cách trong nước không tách rời nhau. Cải cách tạo ra tính chính danh đối ngoại, còn sức ép đối ngoại lại thúc đẩy cải cách trong nước.

“Một vị vua châu Á có phẩm giá như các vị vua châu Âu”: Năm 1907, tờ báo Pháp *Le Figaro* ca ngợi nhà vua vì những thành công trong quá trình hiện đại hóa.

Tờ báo đặt Xiêm bên cạnh Nhật Bản và cho rằng Pháp lúc này có thể xây dựng một mối quan hệ có lợi với một Xiêm độc lập.

Đồng thời, tờ báo nhắc độc giả rằng: *“Không được quên rằng nhà vua Xiêm, dù đất nước của ông thuộc về châu Á, vẫn là một vị vua có phẩm giá ngang với các vị vua châu Âu”.*

Câu nhận xét ấy, xét cho cùng, đã nói lên khá rõ thành công của chiến lược mà Chulalongkorn theo đuổi.

Xiêm không thể khiến châu Âu từ bỏ hoàn toàn tham vọng quyền lực. Nhưng Xiêm có thể khiến các cường quốc phải cân nhắc trước khi biến mình thành một đối tượng thuộc địa.

Và để làm được điều đó, Chulalongkorn đã không chỉ cải tổ một vương quốc. Ông từng bước tái định nghĩa Xiêm trong mắt thế giới và đồng thời tái định hình chính Xiêm từ bên trong.

Khi sức mạnh mềm gặp sức mạnh cứng

Chiến lược của Xiêm cuối cùng cũng phải đối mặt với một phép thử khắc nghiệt trong **Sự kiện Paknam năm 1893**.

Các tàu chiến Pháp tìm cách cưỡng ép tiến ngược dòng Chao Phraya về phía Bangkok.

Về mặt chính thức, Sự kiện Paknam xoay quanh tranh chấp lãnh thổ giữa Xiêm và Pháp ở phía đông sông Mekong. Nhưng trên thực tế, nguyên nhân sâu xa nằm ở tham vọng thuộc địa ngày càng lớn của Pháp sau khi nước này đã chinh phục Việt Nam.

Ngày 13 tháng 7, ba tàu chiến Pháp tìm cách vượt qua các công sự phòng thủ của Xiêm. Quân Xiêm nổ súng vào các chiến hạm.

Pháp đáp trả, khiến ba thủy thủ thiệt mạng và phá vỡ tuyến phòng thủ của Xiêm. Các chiến hạm Pháp tiếp tục tiến ngược dòng về phía thủ đô.

Pháp yêu cầu Xiêm công nhận yêu sách của Liên bang Đông Dương thuộc Pháp (French Indochina) đối với vùng lãnh thổ đang tranh chấp.

Trước ưu thế quân sự áp đảo, Chulalongkorn buộc phải nhượng bộ lãnh thổ, quyết định cần thiết để bảo toàn vương quốc về tổng thể.

Xiêm bị buộc phải nhượng cho Pháp những vùng đất thuộc lãnh thổ ngày nay của Lào và Campuchia, góp phần hình thành phần lớn đường biên giới hiện đại của Thái Lan.

Pháp thiết lập một khu phi quân sự dọc sông Mekong, trong khi Siam phải trả khoản bồi thường ba triệu franc.

Các cường quốc châu Âu khi ấy sẵn sàng sử dụng “ngoại giao pháo hạm” (gunboat diplomacy) để áp đặt yêu sách. Nhưng ngay cả trong trường hợp này, Pháp vẫn cảm thấy cần phải trình bày yêu sách của mình dưới danh nghĩa những tuyên bố lãnh thổ “hợp pháp” của Việt Nam, thay vì công khai thừa nhận

đó là một cuộc chinh phục trắng trợn.

[Góc nhìn biên tập]: Đây là điểm bài viết trở nên đặc biệt đáng suy ngẫm. **Sức mạnh mềm không thể ngăn một khẩu đại bác nổ súng.**

Nhưng có thể làm thay đổi **cách đối phương phải biện minh cho việc sử dụng khẩu đại bác ấy.**

Pháp có thể áp đảo Xiêm về quân sự, nhưng vẫn phải đặt hành động của mình trong một khuôn khổ pháp lý và chính trị có vẻ chính danh.

Điều đó cho thấy ngoại giao, hình ảnh quốc gia và tính chính danh không phải những thứ thay thế sức mạnh cứng. Chúng tạo ra một không gian để quốc gia yếu hơn thương lượng khi tương quan lực lượng không cân xứng.

Một cuộc rút lui để bảo toàn phần cốt lõi

Trong khoảng thời gian từ năm 1893 đến 1909, Xiêm sẽ nhượng khoảng **40% lãnh thổ** cho Pháp và Anh.

Thoạt nhìn, đây có vẻ là một thất bại khổng lồ. Nhưng về mặt chiến lược, cuộc rút lui ấy giúp Chulalongkorn bảo toàn điều quan trọng nhất: nền độc lập chính trị của vùng lãnh thổ cốt lõi của Xiêm.

Những vùng đất bị mất, chủ yếu là các khu vực có đa số dân cư Lào và Khmer dọc sông Mekong, vốn từ trước đã nằm ở những vùng ngoại vi của hệ thống mandala - nơi quyền lực của Bangkok yếu nhất.

Chulalongkorn đặc biệt ưu tiên thung lũng Chao Phraya, vùng trung tâm có đông người Thái, vừa là nguồn lực nông nghiệp quan trọng của vương quốc, vừa là trung tâm của bản sắc và quyền lực chính trị.

Bằng cách từ bỏ những vùng lãnh thổ mà quyền kiểm soát vốn đã mong manh, giới lãnh đạo Xiêm ngăn không cho Pháp tiến sâu hơn vào khu vực cốt lõi.

[Góc nhìn biên tập]: Đây là một trong những nghịch lý lớn nhất của lịch sử Xiêm

Có những cuộc nhượng bộ lãnh thổ không nhằm đầu hàng, mà nhằm tránh thất bại lớn hơn.

Nhìn từ bản đồ, Xiêm đã mất rất nhiều.

Nhìn từ lịch sử chủ quyền, Xiêm giữ lại được điều mà các nhà lãnh đạo coi là không thể mất: **một nhà nước độc lập ở trung tâm của vương quốc.**

Điều đó không làm những vùng đất bị nhượng trở nên ít quan trọng hơn. Cũng không thể xóa đi những tranh luận về quyền lợi của các cộng đồng Lào, Khmer hay các dân tộc khác sống tại những vùng lãnh thổ ấy.

Nhưng giúp chúng ta hiểu chính xác hơn bản chất của chiến lược Chulalongkorn: không phải chiến thắng tuyệt đối, mà là tối đa hóa khả năng tồn tại trong một thế giới mà cán cân quyền lực đã nghiêng mạnh về phía các đế quốc châu Âu.

Những chiến thắng của Xiêm

Một số sử gia hiện đại, trong đó có nhiều học giả Thái Lan, đã đặt câu hỏi về tính xác thực của Bia Ramkhamhaeng. Họ cho rằng tấm bia có thể đã bị sửa đổi hoặc thậm chí được tạo ra nhằm phục vụ nhu cầu xây dựng một huyền thoại nền tảng cho Siam trong thời điểm quốc gia này phải đối diện với nguy cơ tồn vong.

Việc phát hiện tấm bia cũng có những nét tương đồng với các phát hiện mang tính dân tộc chủ nghĩa khác trong cùng thời kỳ.

Một ví dụ là Nibelungenlied [*Bài ca Nibelung* - sử thi Đức thời Trung cổ], tác phẩm mà các trí thức Đức từng quảng bá như một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng và sự thống nhất của người Germanic.

Nhưng việc phát hiện của Mongkut thực sự là một cổ vật hay một sản phẩm được tạo ra vào thời kỳ gần hơn có lẽ không quan trọng bằng cách Xiêm đã sử dụng nó.

Đến thời điểm những khẩu đại bác Pháp chĩa vào Hoàng cung Bangkok năm 1893, Xiêm đã thành công trong việc xác lập mình như một quốc gia “văn minh”, xứng đáng có chủ quyền.

Những nhượng bộ lãnh thổ đau đớn mà Xiêm phải chấp nhận khi ấy gần với kiểu nhượng bộ mà các quốc gia châu Âu vốn vẫn áp đặt lên nhau hơn.

Đó không phải kiểu chinh phục mà các cường quốc châu Âu đang tiến hành ở Tân Thế giới, châu Phi hay phần còn lại của châu Á.

Vương quốc bước ra khỏi “lò luyện thuộc địa” ấy gần như không còn giống với hệ thống mandala phân quyền từng khiến các quan chức Anh phụ trách phân định biên giới phải bối rối vào những năm 1820.

Xiêm đã trở thành một quốc gia theo mô hình phương Tây. Hoàng gia Xiêm đã áp dụng một phương ngữ làm ngôn ngữ chung cho dân chúng, xây dựng một

nhà nước tập trung có khả năng thống kê và quản lý người dân, chuẩn hóa giáo dục, phát triển cơ sở hạ tầng và xóa bỏ chế độ nô lệ.

Họ thậm chí còn tạo ra **một huyền thoại quốc gia**.

[Góc nhìn biên tập]: Đây có lẽ là lúc chúng ta nên quay trở lại câu hỏi ban đầu của bài viết: **Xiêm đã chống lại chủ nghĩa thực dân bằng cách nào?**

Câu trả lời không nằm ở một chiến thắng quân sự vang dội.

Xiêm không đánh bại Anh hay Pháp trên chiến trường.

Thay vào đó, họ từng bước thay đổi chính những điều kiện khiến một quốc gia có thể trở thành đối tượng của cuộc chinh phục thuộc địa: từ cấu trúc quyền lực, pháp luật, giáo dục, biên giới, quân đội, ngôn ngữ cho đến cách quốc gia ấy được nhìn nhận trên trường quốc tế.

Nói cách khác, Xiêm không chỉ chống lại cuộc chơi. Họ học cách thay đổi vị trí của mình trong cuộc chơi.

Hiện đại hóa mà không bị chinh phục

Tuy nhiên, khác với nhiều thuộc địa của phương Tây, quá trình biến đổi này không phải kết quả của một cuộc chinh phục từ bên ngoài.

Đó được tổ chức và điều phối một cách thận trọng **từ bên trong**.

Mongkut và con trai ông, Chulalongkorn, tất nhiên không thể biết điều này vào thời điểm đó. Nhưng chiến lược của họ có thể đã giúp Thái Lan tránh được một phần đáng kể những đau khổ mà nhiều quốc gia láng giềng phải trải qua.

Những thiết chế yếu được các chính quyền thuộc địa dựng lên đã tan rã sau làn sóng phi thực dân hóa trong thế kỷ XX, góp phần dẫn đến cái chết của hàng triệu người tại Campuchia, Việt Nam, Malaysia và Miến Điện.

Xiêm cho thấy một quốc gia có thể tự biến đổi theo những điều kiện do chính mình lựa chọn, trong khi những quốc gia xung quanh dần mất đi cơ hội làm điều đó.

Và vị hoàng tử - nhà sư từng phát hiện tấm bia đá tại Sukhothai, với vốn tri thức kết hợp giữa truyền thống Phật giáo và học thuật phương Tây, đã đặt nền móng cho một mô thức sinh tồn có thể phục vụ vương quốc của mình qua nhiều thế hệ.

Tác giả: **Derek Hopper**/Chuyển ngữ: **Thường Nguyên**

Nguồn bài viết gốc: <https://worksinprogress.co/issue/how-thailand-resisted-colonization/>

Ghi chú: Tạp chí NCPH đăng tải nội dung bài chuyển ngữ - phục vụ công tác học thuật, nghiên cứu và trao đổi tư liệu lịch sử. Nội dung bài viết là góc nhìn riêng của bài viết gốc, không phải là quan điểm hay cách đánh giá lịch sử của Tạp chí NCPH.

Chú giải một số thuật ngữ và khái niệm:

Xiêm (Siam): Tên gọi phổ biến của Thái Lan trong lịch sử. Tên nước chính thức được đổi từ Xiêm (Siam) thành Thái Lan (Thailand) vào năm 1939. Trong bài, “Siam” được dùng ở đầu bài viết khi đề cập đến bối cảnh lịch sử trước thời điểm này, sau đó Việt hóa thành Xiêm, gần gũi với đọc giả Việt Nam (trong tiếng Việt, các cụm như Xiêm La, nước Xiêm, triều đình Xiêm, vua Xiêm, quân Xiêm đã tồn tại lâu đời trong sử liệu và văn chương).

Sukhothai: Cố đô của vương quốc Sukhothai, tồn tại chủ yếu từ thế kỷ XIII đến XV và thường được xem là một trong những trung tâm hình thành quan trọng của lịch sử, văn hóa và chữ viết Thái.

Ayutthaya: Vương quốc và kinh đô quan trọng của Siam sau thời kỳ Sukhothai, tồn tại từ thế kỷ XIV đến XVIII. Ayutthaya từng là một trung tâm thương mại và chính trị lớn của Đông Nam Á.

Ramkhamhaeng Stele (Bia Ramkhamhaeng): Bia đá được cho là có niên đại năm 1292, gắn với vua Ramkhamhaeng của Sukhothai và thường được xem là một trong những chứng tích sớm nhất của chữ viết Thái. Tính xác thực và niên đại của bia đã được một số học giả hiện đại tranh luận.

Theravada Buddhism (Phật giáo Theravada/Phật giáo Nam truyền): Một truyền thống lớn của Phật giáo, nhấn mạnh việc bảo tồn kinh điển Pali và giới luật của Tăng đoàn. Theravada có ảnh hưởng sâu rộng tại Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Lào và Campuchia.

Mandala system (hệ thống mandala): Mô hình tổ chức quyền lực phổ biến ở Đông Nam Á thời tiền hiện đại, trong đó chủ quyền không được xác định chủ yếu bằng những đường biên giới cố định. Quyền lực của một trung tâm chính trị thường giảm dần theo khoảng cách và có thể chồng lấn với ảnh hưởng của các trung tâm khác.

Mission civilisatrice (sứ mệnh khai hóa văn minh): Khái niệm được sử dụng đặc biệt trong diễn ngôn thuộc địa của Pháp để biện minh cho việc truyền bá văn hóa, giáo dục, tôn giáo và các thiết chế phương Tây tới những dân tộc bị xem là “chưa văn minh”. Khái niệm này về sau trở thành một trong những cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa thực dân.

Gunboat diplomacy (ngoại giao pháo hạm): Việc sử dụng hoặc đe dọa sử dụng sức mạnh quân sự, đặc biệt là hải quân, nhằm gây sức ép buộc một quốc gia khác chấp nhận yêu sách chính trị, kinh tế hoặc lãnh thổ.

Extraterritoriality (quyền tài phán ngoài lãnh thổ): Cơ chế theo đó công dân nước ngoài tại một quốc gia không chịu sự xét xử hoàn toàn theo pháp luật và tòa án của quốc gia sở tại, mà thuộc quyền tài phán của cơ quan pháp luật nước họ. Trong thế kỷ XIX, đây là một biểu hiện quan trọng của sự bất bình đẳng trong quan hệ giữa các cường quốc phương Tây và nhiều quốc gia châu Á.

Nation-building (xây dựng quốc gia): Quá trình xây dựng một nhà nước có bộ máy hành chính thống nhất, lãnh thổ được xác định, bản sắc chung và các thiết chế chính trị - xã hội đủ khả năng tạo nên một cộng đồng chính trị thống nhất.

Thai-ness (tính Thái): Khái niệm chỉ bản sắc chung của người Thái được thúc đẩy mạnh trong quá trình xây dựng quốc gia dưới triều Chulalongkorn. Trong bối cảnh bài viết, “tính Thái” không chỉ mang ý nghĩa văn hóa mà còn là một công cụ kiến tạo bản sắc chính trị thống nhất.

Siwilai: Từ tiếng Thái vay mượn từ “civilized” (văn minh), được sử dụng trong quá trình hiện đại hóa Siam để chỉ những chuẩn mực, lối sống và thiết chế được xem là biểu hiện của một xã hội văn minh, hiện đại.

Xenophilia: Khuynh hướng có thiện cảm, tò mò và chủ động tiếp nhận những yếu tố đến từ bên ngoài. Trong bài, thuật ngữ này chủ yếu mô tả cách Siam chủ động tiếp nhận một số tri thức, chuẩn mực và thực hành phương Tây như một chiến lược thích ứng.

Magna Carta (Đại Hiến chương): Văn kiện được Vua John của Anh chấp thuận năm 1215, thường được xem là một dấu mốc quan trọng trong lịch sử hạn chế quyền lực quân chủ và phát triển nguyên tắc pháp quyền.

“Century of Humiliation” (Thế kỷ nhục nhã): Cách gọi phổ biến trong diễn ngôn lịch sử Trung Quốc về giai đoạn từ giữa thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, khi Trung Quốc phải chịu nhiều thất bại quân sự, nhượng bộ lãnh thổ, các hiệp ước bất bình đẳng và sự can thiệp của các cường quốc nước ngoài.

Prussian model (mô hình Phổ): Mô hình tổ chức quân đội và nhà nước phát triển tại Vương quốc Phổ, nổi bật với quân đội thường trực, hệ thống sĩ quan chuyên nghiệp, tổ chức chỉ huy tập trung và tính kỷ luật cao. Mô hình này có ảnh hưởng đáng kể tới quá trình hiện đại hóa quân sự của nhiều quốc gia cuối thế kỷ XIX.

Gregorian calendar (lịch Gregory/lịch Dương): Hệ thống lịch được Giáo hoàng Gregory XIII cải cách năm 1582, sau đó dần trở thành hệ thống lịch dân sự được sử dụng rộng rãi trên thế giới.

Thammayut Nikaya (Thammayut): Một hệ phái của Phật giáo Theravada hình thành tại Siam vào thế kỷ XIX, gắn với phong trào cải cách do Mongkut khởi xướng khi ông còn là một nhà sư. Hệ phái nhấn mạnh giới luật, kinh điển và sự nghiêm túc trong thực hành Phật giáo.